

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HC-ST

Ngày: 23/4/2025

V/v “*Khiếu kiện hành vi hành chính
Về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Văn Xô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

2. Bà Lê Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Trúc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2024/TLST-HC ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HC, ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 67/TB-TA ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

+ Ông Từ H, sinh năm 1969; (vắng mặt)

+ Bà Huỳnh Thị Hồng H1, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà H1:

Ông Ngô Trí V, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2024) (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Xuân V1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P; (có mặt).

- Bà Phạm Thị Minh H2 - Luật sư Văn phòng L1 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Lê Duy L; Chức vụ: Phó phòng Quản lý quỹ đất – Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện trình bày:

Ngày 28/12/2007 UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất số 9708/QĐ-UBND của hộ ông Từ H với diện tích đất 16.107,0m².

Ngày 02/6/2014 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3352/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích đất thu hồi của hộ ông Từ H (từ diện tích 16.107,0m² xuống diện tích 15.049,0m²). Nên tổng diện tích bị thu hồi chỉ là 15.049,0m² tại phường H.

- Ngày 28/10/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định số phê duyệt số 3313/QĐ-UBND cho hộ ông Từ H với số tiền bồi thường về đất là: 1.366.058.000 đồng. Riêng các hạng mục được hỗ trợ đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi của hộ ông Từ H không được tính toán chi trả, theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan cụ thể:

Diện tích đất 15.049,0m² của hộ ông Từ H, Nhà nước thu hồi từ năm 2007, tại thời điểm này Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ có quy định cụ thể tại các "*Điều 20. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất, "Điều 22. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; "Điều 23. Hỗ trợ khác. Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh B có quy định tại các: "Điều 30. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất; "Điều 31. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; "Điều 32. Hỗ trợ khác".* Lẽ ra Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 phải đồng thời triển khai tính các khoản hỗ trợ cho ông Từ H nhưng quyết định trên chỉ tính phần bồi thường đất mà không tính phần hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; Hỗ trợ khác ... Trong khi các khoản, mục hỗ trợ đã có quy định cụ thể tại các văn bản của Trung ương và địa phương như viện dẫn trên.

Mặc dù thời điểm này Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh B không còn hiệu lực.

Nhưng hiện nay khi Nhà nước thu hồi đất thì theo quy định của Pháp luật đất đai hiện hành các khoản hỗ trợ cho những người có đất bị thu hồi vẫn được tiếp tục

thực hiện, kể cả các diện tích đất đã thu hồi trước đây nhưng chưa được hỗ trợ thì Nhà nước vẫn tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ thể hiện tại Điều 108 và Điều 109 Luật Đất đai năm 2024 và tại các Điều 19, Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Về phía địa phương UBND tỉnh B nay đã có Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 về việc điều chỉnh Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Từ những quy định của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh cụ thể nêu trên thì việc ban hành quyết định phê duyệt các khoản hỗ trợ... cho hộ gia đình ông Từ H là thuộc thẩm quyền của UBND thành phố P, nhưng Công văn số 6458/UBND-NC ngày 20/9/2024 của UBND thành phố P lại nêu lý do có khó khăn về kinh phí và kinh phí do UBND tỉnh cấp cho Trung tâm phát triển quỹ đất chi trả..." để không phê duyệt quyết định các khoản hỗ trợ...là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Từ H.

Vì vậy, ông Từ H và bà Huỳnh Thị Hồng H1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất với diện tích đất của hộ ông Từ H bị thu hồi theo các Quyết định số 9708/QĐ- UBND ngày 28/12/2007 và Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của UBND thành phố P là hành vi trái pháp luật;

- Buộc UBND thành phố P chấm dứt hành vi trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải thực hiện hành vi hành chính là ban hành quyết định phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Từ H theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

*** Tại văn bản số 2322/UBND thành phố P ngày 04/4/2025, người bị kiện UBND thành phố P trình bày:**

1. Về hồ sơ bồi thường:

Ngày 28/12/2007, UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất số 9708/QĐ-UBND (diện tích 16.107m²). Ngày 02/6/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định điều chỉnh diện tích đất thu hồi số 3352/QĐ- UBND (từ diện tích 16.107m² xuống diện tích 15.049m²). Tổng diện tích thu hồi 15.049m² (thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 5), tại phường H.

Ngày 13/01/2014, UBND phường H họp xét nguồn gốc đất đối với hộ ông H tại Giấy xác nhận số 03/GXN như sau: "... Do ông Từ D tác động làm rẫy trước năm 1990 đến năm 1996 trồng đào sau đó bỏ không canh tác nữa đến năm 2002 ông Từ H canh tác sử dụng đến khi thu hồi. Phần diện tích 16.107m² trong đó diện tích nằm trong rừng trồng năm 1998 đã thanh lý do bị chết khô là 1.058m²; diện tích còn lại 15.049m² có 2.952m² nằm trong quy hoạch 03 loại rừng thuộc tiểu khu B. Hội đồng thống nhất đề nghị xem xét đền bù phần diện tích 15.049 m².

Ngày 11/02/2014 (Biên bản số 32/HĐBTHT&TĐC-706B (HT) ngày 21/02/2014), Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P (gọi tắt là Hội đồng Bồi thường) họp kết luận: “Đủ điều kiện bồi thường diện tích đất 15.049 m² loại đất trồng cây lâu năm. Cây cối và hoa màu trên đất đủ điều kiện bồi thường.

Ngày 28/10/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 3313/QĐ-UBND, với số tiền: 1.366.058.000 đồng và hộ ông H đã nhận hết số tiền bồi thường này.

Do hồ sơ của hộ ông H đã được UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt số 3313/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 (tức là sau ngày 01/7/2014, thời điểm Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành), tuy nhiên căn cứ Công văn số 4214/UBND-ĐTQH ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về việc giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường các dự án dở dang trên địa bàn tỉnh, nên hộ ông H được áp dụng lập lại hồ sơ bồi thường theo chính sách quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 và số 05/2018/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh.

Ngày 11/3/2020 (Biên bản số 16/HĐBTHT&TĐC-706B (HT) ngày 29/4/2020), Hội đồng Bồi thường họp kết luận lại đối với ông H, như sau: Trong tổng diện tích đất thu hồi 15.049m²: Diện tích 12.097m²: đủ điều kiện bồi thường về đất, vì vậy đủ điều kiện lập hồ sơ bồi thường bổ sung giá đất cụ thể theo Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh cho hộ. Đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh (đối với diện tích 12.097 m²), diện tích 2.952m² đề nghị Trung tâm có văn bản gửi Ban Q về diện tích 2.952m² của ông Từ H có nằm trong quy hoạch 03 loại rừng và Ban Quản lý rừng có quản lý đối với diện tích này hay không. Sau khi có văn bản trả lời của Ban Q, Trung tâm trình Hội đồng Bồi thường họp kết luận vào lần họp sau”.

2/ Về nội dung hộ ông Từ H khởi kiện:

Hội đồng Bồi thường đã kết luận tại biên bản nêu trên, tuy nhiên đến nay Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận chưa trình UBND thành phố P ban hành quyết định phê duyệt bổ sung cho hộ ông H theo quy định. Do đó, UBND thành phố P không có căn cứ để phê duyệt bổ sung cho hộ ông Từ H theo quy định.

Trên cơ sở hồ sơ lưu trữ của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố trả lời cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và không chịu tất cả về tính pháp lý của hồ sơ đã cung cấp. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận căn cứ quy định để thẩm định tính hợp pháp của tài liệu.

*** *Tại văn bản số 21/PTQĐ-QLĐT, ngày 09/01/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận trình bày:***

Về hồ sơ bồi thường: ngày 28/12/2007, UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất số 9708/QĐ-UBND (diện tích 16.107m²). Ngày 02/6/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định điều chỉnh diện tích đất thu hồi số 3352/QĐ-

UBND (từ diện tích 16.107m² xuống diện tích 15.049m²). Tổng diện tích thu hồi 15.049m² (thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 5), tại phường H. Ngày 13/01/2014, UBND phường H họp xét nguồn gốc đất đối với hộ ông H tại Giấy xác nhận số 03/GXN như sau: “...Do ông Từ D tác động làm rẫy trước năm 1990 đến năm 1996 trồng đào sau đó bỏ không canh tác nữa đến năm 2002 ông Từ H canh tác sử dụng đến khi thu hồi. Phần diện tích 16.107m² trong đó diện tích nằm trong rừng trồng năm 1998 đã thanh lý do bị chết khô là 1.058m², diện tích còn lại 15.049 m² có 2.952m² nằm trong quy hoạch 03 loại rừng thuộc tiểu khu B. Hội đồng thống nhất đề nghị xem xét đền bù phần diện tích 15.049m². Ngày 11/02/2014 (Biên bản số 32/HĐBTHT&TĐC-706B (HT) ngày 21/02/2014), Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P (gọi tắt là Hội đồng Bồi thường) họp kết luận: Đủ điều kiện bồi thường diện tích đất 15.049m² loại đất trồng cây lâu năm. Cây cối và hoa màu trên đất đủ điều kiện bồi thường. Ngày 28/10/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 3313/QĐ-UBND, với số tiền: 1.366.058.000 đồng và hộ ông H đã nhận hết số tiền bồi thường này.

Do hồ sơ của hộ ông H, UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt số 3313/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 (sau ngày 01/7/2014, thời điểm Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành). Căn cứ Công văn số 4214/UBND-ĐTQH ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về việc giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường các dự án dở dang trên địa bàn tỉnh. Căn cứ quy định nêu trên, hộ ông H được áp dụng lập lại hồ sơ bồi thường theo chính sách quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 và số 05/2018/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh.

Ngày 11/3/2020 (Biên bản số 16/HĐBTHT&TĐC-706B (HT) ngày 29/4/2020), Hội đồng Bồi thường họp kết luận lại đối với ông H, như sau: “... Trong tổng diện tích đất thu hồi 15.049m². Diện tích 12.097m²: đủ điều kiện bồi thường về đất, vì vậy đủ điều kiện lập hồ sơ bồi thường bổ sung giá đất cụ thể theo Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh cho hộ. Đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh (đối với diện tích 12.097m²).

- Diện tích 2.952m²: Đề nghị Trung tâm có văn bản gửi Ban Q1 về diện tích 2.952m² của ông Từ H có nằm trong quy hoạch 03 loại rừng và Ban Quản lý rừng có quản lý đối với diện tích này hay không. Sau khi có văn bản trả lời của Ban Q1, Trung tâm trình Hội đồng Bồi thường họp kết luận vào lần họp sau”.

Về nội dung hộ ông Từ H khởi kiện:

Căn cứ theo kết luận của Hội đồng Bồi thường tại biên bản trên, nhưng từ thời điểm đó đến nay UBND tỉnh chưa cấp kinh phí, nên Trung tâm chưa có cơ sở lập hồ sơ bồi thường trình UBND thành phố P ban hành quyết định phê duyệt bổ sung cho hộ ông H theo quy định.

Mặc khác, hiện nay căn cứ theo Công văn số 4743/UBND-ĐTQH ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Phương án (mới) sử dụng quỹ đất hai bên đường V, thành phố P. Tại K, công văn như sau: “1. Đồng ý dừng

thực hiện Phương thức sử dụng quỹ đất dự án khu D và hai bên đường ĐT.706B (nay là đường V)...”

Như vậy, căn cứ theo quy định trên, thì dự án Xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B, UBND tỉnh đã có chủ trương dừng thực hiện dự án để thay thế bằng Phương án (mới) Sử dụng quỹ đất 02 bên đường V. Do đó, đối với hồ sơ thuộc dự án Xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B, hiện nay đang dừng, cho đến khi có dự án mới được triển khai, thì hồ sơ của người khởi kiện sẽ được tiếp tục thực hiện.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến theo các văn bản đã trả lời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ H, bà Huỳnh Thị Hồng H1; tuyên bố hành vi hành chính không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Từ H là hành vi trái pháp luật; buộc UBND thành phố P phải thực hiện hành vi hành chính là ban hành quyết định phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Từ H theo đúng quy định pháp luật. Người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, ông Từ H, bà Huỳnh Thị Hồng H1 khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất với diện tích đất của hộ ông Từ H bị thu hồi theo các Quyết định số 9708/QĐ- UBND ngày 28/12/2007 và Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của UBND thành phố P là hành vi trái pháp luật; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải thực hiện hành vi hành chính là ban hành quyết định phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển

đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Từ H theo đúng quy định pháp luật

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[2] Về đối tượng bị kiện:

Người khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính về việc không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp của UBND thành phố P là hành vi trái pháp luật; buộc UBND thành phố P giải quyết hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Từ H. Như vậy, đối tượng bị kiện là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

- Ông Từ H có các đơn khiếu nại (đề ngày 05/12/2023, 28/12/2023, 12/3/2024) gửi UBND thành phố P khiếu nại liên quan đến việc chưa phê duyệt hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm sau khi thu hồi đất của hộ gia đình ông Từ H.

- Ngày 20/9/2024, UBND thành phố P có Văn bản số 6458/UBND-NC trả lời đơn khiếu nại của ông Từ H có nội dung: *“Đối với đề nghị hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì hiện nay UBND thành phố P chưa thể bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Từ H, do có khó khăn về kinh phí (về kinh phí là do UBND tỉnh cấp cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để trả”*.

- Ngày 18/10/2024, ông Từ H, bà Huỳnh Thị Hồng H1 làm đơn khởi kiện đối với hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND thành phố P.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của người khởi kiện còn trong thời hạn khởi kiện.

[4] Về sự tham gia tố tụng của đương sự:

+ Đối với người bị kiện là UBND thành phố P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 3 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định.

[5] Về nội dung:

[5.1] Căn cứ lời khai của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và tài liệu chứng cứ thể hiện: Ngày 02/6/2014 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3352/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích đất thu hồi của hộ ông Từ H (từ diện tích 16.107,0m² xuống diện tích 15.049,0m²). Nên tổng diện tích bị thu hồi chỉ là 15.049,0m² tại phường H.

Ngày 28/10/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt số 3313/QĐ-UBND cho hộ ông Từ H với số tiền bồi thường về đất là: 1.366.058.000

đồng, hộ gia đình ông Từ H đã nhận đủ số tiền bồi thường. Riêng các hạng mục được hỗ trợ đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi của hộ ông Từ H không được tính toán chi trả, theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc ban hành quyết định phê duyệt các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm cho hộ gia đình ông Từ H là thuộc thẩm quyền của UBND thành phố P, nhưng UBND thành phố P không phê duyệt quyết định các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Từ H.

[5.2] Về yêu cầu phê duyệt các khoản hỗ trợ đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị thu hồi đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 28/10/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt số 3313/QĐ-UBND cho hộ ông Từ H với số tiền bồi thường về đất và cây hoa màu là: 1.366.058.000 đồng, hộ gia đình ông Từ H đã nhận đủ số tiền bồi thường trên.

Quyết định trên chỉ tính phần bồi thường đất và hoa màu, mà không tính phần hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông Từ H theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan nên ông khiếu kiện.

[5.3] Xét thấy, Ngày 15/12/2015, UBND phường H, thành phố P xác nhận: *“Hộ gia đình ông Từ H có trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi”*. Ngày 16/12/2015, UBND xã T, thành phố P xác nhận: *“Hộ ông Từ H là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp*. Ngày 11/3/2020 (Biên bản số 16/HĐBTHT&TĐC-706B (HT) ngày 29/4/2020), Hội đồng Bồi thường họp kết luận lại đối với ông H, như sau: *“... Trong tổng diện tích đất thu hồi 15.049m². Diện tích 12.097m²: đủ điều kiện bồi thường về đất, vì vậy đủ điều kiện lập hồ sơ bồi thường bổ sung giá đất cụ thể theo Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh cho hộ. Đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh (đối với diện tích 12.097m²)*.”

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: *“Hộ ông Từ H đủ điều kiện hỗ trợ các khoản theo quy định”*.

Có căn cứ xác định, hộ ông Từ H là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có đủ điều kiện để được nhận các khoản hỗ trợ do bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ.

[5.4] Theo điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013 quy định về Trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

“3. Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

Ủy ban nhân dân thành phố P là cơ quan ban hành Quyết định thu hồi đất số 9708/QĐ-UBND ngày 28/12/2007. Lẽ ra khi ban hành Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 phải đồng thời triển khai tính các khoản hỗ trợ cho ông Từ H nhưng quyết định trên chỉ tính phần bồi thường đất và hoa màu mà không tính phần hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo quy định của Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Điều 23, 24 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/9/2015 của UBND tỉnh B và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ.

[5.5] Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: UBND thành phố P là cơ quan ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ... nhưng cho rằng do UBND tỉnh chưa cấp kinh phí nên UBND thành phố P chưa ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ... cho hộ ông H theo quy định là không có cơ sở.

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố P không ban hành Quyết định phê duyệt các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm cho ông Từ H là trái pháp luật.

[5.6] Từ những nhận định trên, yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận toàn bộ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa.

[6] Về án phí: - Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận, nên người khởi kiện không phải chịu án phí.

- Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ H, bà Huỳnh Thị Hồng H1 về việc:

1.1. Hành vi hành chính không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất với diện tích đất của hộ ông Từ H bị thu hồi theo các Quyết định số 9708/QĐ- UBND ngày 28/12/2007 và Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của UBND thành phố P là hành vi trái pháp luật;

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật; thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm;

- Hoàn trả cho ông Từ H, bà Huỳnh Thị Hồng H1 số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biênthu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000496 ngày 09/12/2024 của Cục Thihành án dân sự tỉnh B.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo, thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Xô